

## Ôn tập chương 3

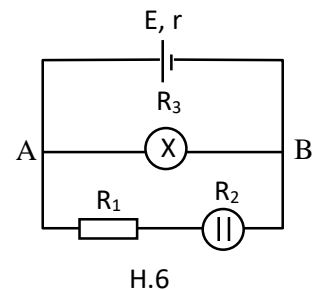
### (Bài tập chương 3 phần tiếp theo)

6. Cho mạch điện như hình H.6, biết  $E = 18V$ ,  $r = 1,5\Omega$ ,  $R_1 = 7\Omega$ ,  $R_3$  là đèn ( $12V - 12W$ ),  $R_2 = 5\Omega$  là điện trở của bình điện phân đựng dung dịch  $AgNO_3$  có cực dương bằng  $Ag$  ( $A = 108$ ,  $n = 1$ ). Bỏ qua điện trở các dây nối.

a. Tìm cường độ dòng điện qua mạch chính và hiệu điện thế giữa 2 điểm AB.

b. Độ sáng của đèn như thế nào? tại sao?

c. Tìm khối lượng  $Ag$  được giải phóng sau khi dòng điện qua bình điện phân trong thời gian 16 phút 5 giây?



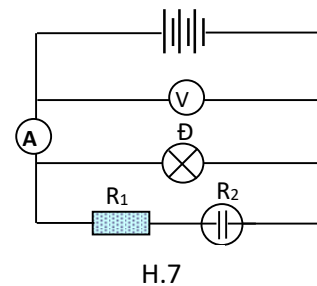
7. Cho mạch điện như hình H.7. Bộ nguồn gồm 3 nguồn điện giống nhau, mỗi nguồn có  $E_0 = 3V$  và  $r_0 = 0,3\Omega$ . Điện trở  $R_1 = 2\Omega$ , bóng đèn Đ ghi ( $6V - 4W$ ). Bình điện phân chứa dung dịch  $CuSO_4$  có cực dương bằng đồng, được coi như một điện trở có giá trị  $R_2 = 4\Omega$ . Biết  $A_{Cu} = 64g/mol$ , hóa trị  $n = 2$ .

a. Số chỉ của ampe kế và của vôn kế.

b. Thời gian để khối lượng đồng thu được ở cực âm của bình điện phân là  $0,768g$ .

c. Nhận xét về độ sáng của đèn Đ.

d. Tính công suất của bộ nguồn.



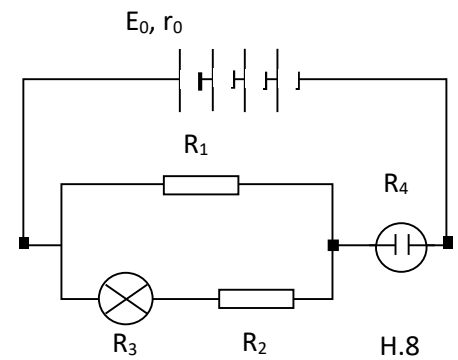
8. Cho mạch điện như H.8, với bộ nguồn gồm 4 pin mắc nối tiếp, mỗi pin có suất điện động  $E_0 = 6V$ ,  $r = 0,25\Omega$ . Các điện trở  $R_1 = 10\Omega$ ;  $R_2 = 7\Omega$ ;

$R_3$  là bóng đèn (6V - 12W);  $R_4 = 2\Omega$  là bình điện phân dung dịch đồng sunphat có cực dương bằng đồng ( $A = 64, n = 2$ ).

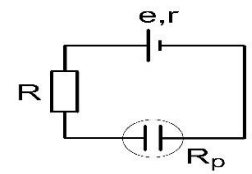
a. Tìm cường độ dòng điện qua bình điện phân? Tính khối lượng đồng bám vào catot của bình điện phân trong 32 phút 10 giây.

b. Đèn sáng thế nào?

c. Tính công suất tiêu thụ của bình điện phân.



9. Cho mạch điện như hình H.9, biết  $e = 16V, r = 2\Omega, R = 3\Omega$ . Bình điện phân chứa dd  $CuSO_4$  với anot làm bằng Cu, biết khối lượng Cu thu được ở điện cực sau 16 phút 5 giây là 0,64g? Xác định cường độ dòng điện qua bình điện phân và điện trở của bình điện phân  $R_p$ . Cho  $A = 64, n = 2$ .

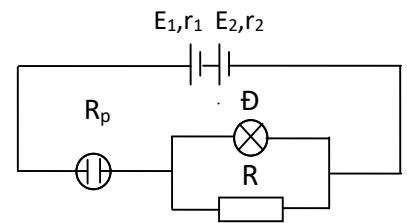


H.9

10. Cho mạch điện như hình H.10. Biết  $E_1 = 18V, E_2 = 4V, R = 8\Omega, r_1 = r_2 = 1\Omega$ , đèn Đ (12V - 6W) sáng bình thường; điện trở bình điện phân  $R_p = 3\Omega$ .

a. Tính hiệu điện thế hai đầu mạch ngoài.

b. Tính thời gian dòng điện qua bình điện phân để khối lượng kim loại bám ở catot là  $8 \cdot 10^{-4} \text{ kg}$ . Biết  $A = 64, n = 2, F = 96500C/mol$ .



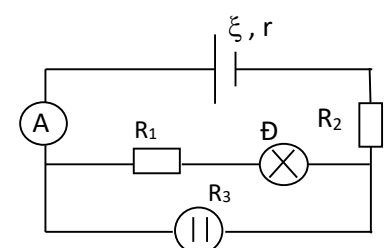
H.10

11. Cho mạch điện như hình H.11, nguồn điện có suất điện động  $\xi$ , điện trở trong  $r = 2\Omega$ , Đ (6V - 3W) sáng bình thường,  $R_3$  là bình điện phân dung dịch  $AgNO_3/Ag$  có  $R_3 = 16\Omega, R_1 = 12\Omega, R_2 = 2\Omega$ . Cho  $A = 108, n = 1$ .

a. Tính chỉ số ampe kế.

b. Tính khối lượng bạc thu được ở catot sau thời gian 32 phút 10 giây.

c. Tính suất điện động  $\xi$  của nguồn.



H.11

**12.** Cho sơ đồ mạch điện H.12. Nguồn điện có suất điện động  $E = 11V$  và điện trở trong  $r = 1\Omega$ . Cho  $R_1 = 18\Omega$ ,  $R_B = 5\Omega$  là bình điện phân chứa dung dịch  $AgNO_3$ , có cực dương bằng  $Ag$ , Đ(4V-4W),  $R_x$  là biến trở. Ampe kế có điện trở không đáng kể, vôn kế có điện trở rất lớn.

a. Cho  $R_x = 13\Omega$ . Tìm số chỉ ampe kế.

b. Tìm  $R_x$  để đèn sáng bình thường.

